

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Công tác định vị và trắc đạc trong quá trình thi công.	Có thuyết minh công tác định vị và trắc đạc trong quá trình thi công hợp lý, phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không hợp lý, không phù hợp với hiện trạng công trình.	Không đạt
1.2. Mức độ đáp ứng vật tư, vật liệu chính (đá các loại, cát, xi măng, thép các loại, cọc BTCT)	- Có nêu rõ danh mục, nguồn vật tư cung cấp, phương án vận chuyển, phương án bố trí bãi vật tư giao, nhận, lưu trữ vật tư phù hợp với hiện trạng công trình. - Nêu rõ thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn các loại vật tư, vật liệu phù hợp với yêu cầu của E-HSMT và Hồ sơ TKBVTC được phê duyệt	Đạt
	- Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên hoặc có nêu nhưng không đầy đủ.	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.3. Giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công các hạng mục công trình Nâng cấp, mở rộng bê tông đường Nam Quốc Gia (từ kênh 7 đến kênh 8).	Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công hợp lý, đầy đủ, phù hợp với đề xuất về tiến độ, hiện trạng công trình và kỹ thuật theo Hồ sơ thiết kế được duyệt.	Đạt
	Không nêu hoặc có nêu giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công nhưng không hợp lý, không đầy đủ, không phù hợp với đề xuất về tiến độ, hiện trạng công trình và kỹ thuật theo Hồ sơ thiết kế được duyệt.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có ít nhất 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

2. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Thời gian thi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 90 ngày kể từ ngày khởi công (có tính đến điều kiện thời tiết và các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật).	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 90 ngày ; hoặc thời gian không quá 90 ngày (kể từ ngày khởi công) nhưng không tính đến tính đến điều kiện thời tiết và các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật.	Không đạt
2.2. Biểu đồ tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực, biểu đồ thiết bị	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với thời gian thi công nêu tại tiêu chí 2.1 nêu trên, kèm theo biểu tiến độ là biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị. Đồng thời, biểu tiến độ thi công thể hiện các mũi thi công độc lập và đồng loạt các hạng mục công trình Nâng cấp, mở rộng bê tông đường Nam Quốc Gia (từ kênh 7 đến kênh 8).	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu	Không

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với thời gian thi công nêu tại tiêu chí 2.1 nêu trên hoặc biểu tiến độ không kèm theo biểu tiến độ là biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị. Biểu tiến độ thi công không thể hiện rõ các mũi thi công độc lập và đồng loạt các hạng mục chính Nâng cấp, mở rộng bê tông đường Nam Quốc Gia (từ kênh 7 đến kênh 8).	đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt
	Có ít nhất 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

3. Cách thức quản lý dự án:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.	Có nêu giải pháp tổ chức mặt bằng công trường đầy đủ, hợp lý, phù hợp với điều kiện hiện trạng công trình xây dựng, <i>kèm theo bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường phù hợp với thuyết minh tổ chức mặt bằng công trường.</i>	Đạt
	Không nêu hoặc có nêu giải pháp tổ chức mặt bằng công trường nhưng không hợp lý, không phù hợp với điều kiện hiện trạng công trình xây dựng hoặc không kèm theo bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường.	Không đạt
3.2. Biện pháp quản lý nhân sự trên công trường.	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên.	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên hoặc có nhưng không hợp lý.	Không đạt
3.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công các hạng mục công trình Nâng cấp, mở rộng bê tông đường Nam Quốc Gia (từ kênh 7 đến kênh 8).	Có nêu biện pháp bảo đảm chất lượng đầy đủ, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không nêu biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không đầy đủ, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
3.4. Biện pháp an toàn lao động (bao gồm thiết bị thi công) trong quá trình thi công.	Có nêu biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có nêu biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
3.5. Biện pháp phòng cháy, chữa cháy trong quá trình thi công.	Có nêu biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có nêu biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
3.6. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường	Có nêu biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có nêu biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	với biện pháp tổ chức thi công	
3.7. Biện pháp đảm bảo an toàn cho cư dân xung quanh và các công trình liên kề, an toàn giao thông trong suốt quá trình thi công.	Có thuyết minh biện pháp đảm bảo an toàn cho cư dân xung quanh và các công trình liên kề, an toàn giao thông trong suốt quá trình thi công phù hợp với hiện trạng công trình.	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không phù hợp với hiện trạng công trình.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có ít nhất 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Thời gian bảo hành công trình	Có đề xuất thời gian bảo hành công trình tối thiểu 12 tháng và có nêu quy trình bảo hành, sửa chữa hư hỏng trong thời gian bảo hành công trình thuộc trách nhiệm của nhà thầu. Đồng thời, có cam kết thời gian kết thúc bảo hành công trình khi có biên bản xác nhận nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành của Chủ đầu tư.	Đạt
	Không có đề xuất hoặc đề xuất thời gian bảo hành ngắn hơn yêu cầu nêu trên hoặc không nêu quy trình bảo hành, sửa chữa hư hỏng trong thời gian bảo hành công trình thuộc trách nhiệm của nhà thầu hoặc không có cam kết thời gian kết thúc bảo hành công trình khi có biên bản xác nhận nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành của Chủ đầu tư.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt
	Có ít nhất 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

5. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2024/NĐ-CP

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (lĩnh vực thi công xây dựng công trình) từ ngày 01/01/2023 trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu), gồm: a) Tiến độ thực hiện hợp đồng; b) Chất lượng hợp đồng thi công xây dựng trình, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có) và các yếu tố khác có liên quan; c) Vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng. <i>* Trường hợp liên danh: Từng thành viên liên danh phải đảm bảo yêu cầu này.</i>	Nhà thầu cung cấp bản cam kết với các nội dung: - Không có từ 02 hợp đồng thi công xây dựng công trình trở lên chậm tiến độ bị Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng hoặc tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng. - Không có hợp đồng thi công xây dựng công trình bị cơ quan có thẩm quyền đánh giá kém chất lượng đối với hàng hóa, dịch vụ, công trình (bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng). - Không có từ 02 hợp đồng trở lên vi phạm hợp đồng bị Chủ đầu tư chấm dứt do các nội dung về: bố trí nhân sự chủ chốt không đúng theo danh sách nhân sự theo hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư hoặc nhân sự chủ chốt không có mặt tại công trình trong quá trình thi công xây dựng; bố trí không đủ số lượng máy móc thiết bị theo nội dung hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư thiết bị máy móc không đảm bảo an toàn vận hành trong quá trình thi công.	Đạt
	Nhà thầu không có cung cấp bản cam kết với các nội dung nêu trên hoặc có có cam kết nhưng thiếu một trong các nội dung cam kết nêu trên. Hoặc Chủ đầu tư, Tổ chuyên gia có tài liệu chứng minh nhà thầu cam kết không trung thực đối với một trong các nội dung cam kết .	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt
	Có ít nhất 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

** **Lưu ý:** Nhà thầu phải trình bày thuyết minh phần đề xuất kỹ thuật theo trình tự nội dung yêu cầu về kỹ thuật của hồ sơ mời thầu gồm 05 nội dung yêu cầu cơ bản (tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5). Trường hợp nhà thầu không trình bày thuyết minh đủ 06 nội dung yêu cầu cơ bản thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo*

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.